

MỘT SỐ CĂN CỨ ĐỊA QUAN TRỌNG TRONG PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP CUỐI THẾ KỶ XIX Ở THANH HOÁ

VŨ QUÝ THU*

Trong phong trào yêu nước chống Pháp ở Thanh Hoá cuối thế kỷ XIX nhiều căn cứ chống Pháp đã ra đời. Qua điền dã chúng tôi xin giới thiệu một số căn cứ địa quan trọng trong số đó.

1. Căn cứ Ổn Lâm - Kỳ Thượng (Nông Cống).

Nhằm xây dựng một căn cứ làm trung tâm cho kháng chiến cả nước, đầu năm 1886, Tả quân Đô thống Trần Xuân Soạn đã được Tôn Thất Thuyết cử về Thanh Hoá trực tiếp chỉ đạo phong trào kháng chiến của nhân dân địa phương.

Lúc này ở miền Nam Thanh Hoá, phong trào của các huyện Nông Cống, Tĩnh Gia, Quảng Xương đã liên hệ với nhau. Trên cơ sở phong trào hưởng ứng chiếu Cần vương đang phát triển ở các huyện, Trần Xuân Soạn phong chức cho Đỗ Đức Mậu làm Tấn dương quân vụ Quảng Xương, Lê Ngọc Toàn làm Tấn dương quân vụ Nông Cống, còn Nguyễn Phương (Tú Phương) làm Tham biện phủ Tĩnh Gia phụ trách huyện Ngọc Sơn (Tĩnh Gia sau này). Với cương vị

trên, Tú Phương trực tiếp lãnh đạo phong trào cả ba huyện.

Căn cứ Ổn Lâm - Kỳ Thượng ra đời trên cơ sở lớn mạnh của phong trào Cần vương Nam tỉnh Thanh. Ổn Lâm - Kỳ Thượng được chọn làm căn cứ vì địa thế hiểm yếu, chỉ có con đường độc đạo xuyên qua các làng. Đây là những dãy đồi rừng, bán sơn địa cuối huyện Nông Cống giáp với Tĩnh Gia, Như Xuân (nay là Như Thanh), có đường đi tắt qua phía Nam huyện Quảng Xương. Cạnh Ổn Lâm là làng Kỳ Thượng thuộc châu Thường Xuân lúc bấy giờ (hiện nay là xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh), là nơi sinh sống của 20 hộ dân tộc Thái thời đó, trong một thung lũng rậm rạp dưới chân ngọn đồi Kỳ Thượng. Dân tộc Thái sống ở Kỳ Thượng thuộc dòng họ Lang vốn ở châu Lang Chánh, vào đời Minh Mạng không chịu nổi ách thống trị của thổ ty lang đạo nên đã xuôi bè về đây sinh sống. Do sống ở vùng rừng núi rậm rạp, hoang sơ nên dân Kỳ Thượng thuở ấy giỏi săn bắn cung tên, bắn đá, ném lao...

* Th.S. Đại học Hồng Đức - Thanh Hoá.

Khi có chiếu Cần vương (7-1885), nhân dân trong vùng đã nhanh chóng đoàn kết lại chống Pháp và chính quyền phản động địa chủ phong kiến thổ ty lang đạo địa phương. Nghĩa quân của thủ lĩnh Lang Văn Bôn là đồng bào dân tộc Thái, Mường, bản cung nỏ là sở trường của họ. Địa bàn hoạt động của nghĩa quân rộng lớn, có những nơi đóng quân luyện tập gắn liền với các địa danh như Bái Đôn, Bái Tập. Nơi đóng quân chủ yếu dựa vào chân núi Lâm Động. Lúc đầu hoạt động của nghĩa quân chưa có gì nổi bật, nó chỉ dấy lên khi Tú Phương từ tổng Văn Trường kéo quân về đây hội tụ.

Qua một thời gian tìm hiểu, Lang Văn Bôn đồng ý hợp quân với Nguyễn Phương. Từ đây căn cứ Ổn Lâm - Kỳ Thượng được xây dựng và phát triển.

Vùng Ổn Lâm - Kỳ Thượng (nay là xã Công Bình, Nông Cống) trải dài theo vành đai Đông Bắc - Tây Nam, từ Ngã Ba Chuông đến tận rừng núi, bao gồm Ổn Lâm - Kỳ Thượng đến giáp xã Yên Thái (Như Thanh ngày nay), dài 20km, chiều rộng có nơi 8km.

Căn cứ Ổn Lâm - Kỳ Thượng chia làm 3 khu vực chính: vòng ngoài, khu trung tâm và hậu cứ, trong đó có nhiều đồn binh của nghĩa quân.

Bao quanh căn cứ là vùng dân cư Ổn Lâm. Đây là cơ sở hậu cần, có trại rèn vũ khí ở xóm Sơn Nả, cùng với kho lương thực đặt ở khu Đông Nam và đồn điểm danh phía Tây làng.

Khu trung tâm là trại Ba Đồn, thường gọi là Đại đồn, đây là thung lũng bằng phẳng, nhưng chung quanh rậm rạp, rộng khoảng 100 ha, nhìn lên 3 ngọn của dãy núi Nghinh Tiên. Ba Đồn cách làng Ổn

Lâm (khu dân cư) độ 2 cây số về phía Tây Nam, từ đây có đường đi vào làng Kỳ Thượng từ phía sau, có đường vượt vào vùng rừng núi Như Xuân. Phía ngoài là khe Tre sinh lầy, có nơi rộng tới 300m, hai bên bờ khe là tre gai dày đặc giống như hào lũy tự nhiên...

Lợi dụng địa thế thiên nhiên hiểm trở, Tú Phương cho xây dựng một khu thành lũy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, có chiều dài hơn 1km, chiều rộng có nơi tới 500m. Thành đắp bằng đất cao khoảng 2m, chân thành rộng từ 2 - 4m, kè bằng đá và cắm cọc tre tươi, mặt thành rộng 1m, xung quanh thành đất có đặt 3 vọng gác trên 3 quả đồi. Trại Ba Đồn là căn cứ đóng quân, tại đây nghĩa quân thường xuyên liên lạc với nhân dân trong vùng, vừa luyện tập, vừa lo sản xuất để cung cấp lương thực cho căn cứ.

Khu hậu cứ nằm ở phía Tây Nam, trên làng Kỳ Thượng. Ở đây có đồn Kỳ Thượng, là đại bản doanh, cơ quan đầu não nghĩa quân. Bên cạnh đình làng Kỳ Thượng là giáo trường đặt ở Lèn Bót (Như Xuân) gọi là "Võ đài", luyện những đội quân tinh nhuệ "Cắm tử quân". Tính đến đầu tháng 3-1886, tổng số nghĩa quân của căn cứ Ổn Lâm - Kỳ Thượng có khoảng 1.000 người.

Nghĩa quân Ổn Lâm được phiên chế theo cơ đội, cứ 10 người lập thành 1 đội do Suất đội chỉ huy, cứ 3 đội lập thành 1 cơ đội do Hiệp quản chỉ huy, trên nữa là chức vụ Lãnh binh, Đề đốc đặt dưới quyền tổng chỉ huy của Tham biện Tú Phương.

Để duy trì hoạt động của căn cứ Ổn Lâm - Kỳ Thượng, Tú Phương đã cho xây dựng một hệ thống hậu cần trên địa bàn Nông Cống, sẵn sàng cung cấp lương thực, vũ khí và bổ sung quân số cho nghĩa quân.

2. Các căn cứ khác trên đất Nông Cống.

Ngoài căn cứ Ổn Lâm - Kỳ Thượng ra ở Nông Cống còn có nhiều căn cứ nhỏ khác như căn cứ Đồng Mười (nay thuộc huyện Như Thanh) do Tôn Thất Hàm xây dựng; Đỗ Tuấn Dãy tập hợp quân ở các làng Ngọc Thập, Hồi Cù, Bái Đạo, Yên Mỗ... xây dựng căn cứ tại núi Hoàng Nghiêu; Lê Xuân Trường có khoảng 20-30 nghĩa binh, luyện tập tại bãi Đồng Miên (cạnh làng Nhiều Thôn) có đường sang núi Nưa, nghĩa quân của ông kiểm soát đoạn đường từ Cầu Quan đi Nưa để chặn đánh địch ở đồn Mung và ở huyện lỵ Cầu Quan đi cướp phá dân làng. Tại Đông Cao xã Trung Chính, Nguyễn Văn Quý (tức Thông Quý) tập hợp 50 người luyện tập ở Hón Gai sau một thời gian ngắn đội nghĩa quân này đã sáp nhập với nghĩa quân của Lê Ngọc Toàn ở Nông Cống.

Lê Ngọc Toàn người xã Cổ Định (nay là xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn) thuộc gia đình có thế lực trong vùng. Sau khi đỗ Cử nhân, ông được bổ nhiệm làm Tri phủ Đoan Hùng (Phú Thọ). Hưởng ứng chiếu Cần vương, ông bỏ quan về quê dấy nghĩa, lúc đầu xây dựng căn cứ tại làng Cổ Định, sau đó chọn Ngàn Nưa làm căn cứ đóng quân.

Lợi dụng vị trí tự nhiên của Ngàn Nưa, nghĩa quân Lê Ngọc Toàn đã lập hai khu vực đồn trại ở khe Ba Đông và Sả Hè, cách nhau 1km (nay thuộc xã Tân Ninh, Triệu Sơn) nằm trên đoạn đường nối liền tổng Cổ Định với tổng Lai Triều và có đoạn đường xuyên sang Thọ Xuân, Như Xuân. Một vọng gác tiền tiêu đặt tại làng Trung Định (nay thuộc xã Tân Thọ) án ngữ con đường từ Cầu Quan đi Quán Giắt.

Lực lượng nghĩa quân Ngàn Nưa có khoảng 200 người, phần lớn là trai tráng các tổng phía Bắc như: Cổ Định, Lai Triều,

Hữu Định, Đô Xá... tham gia. Nghĩa quân huấn luyện tại triền núi Nưa và đóng quân tại hai khu vực Ba Đông và Sả Hè. Bộ chỉ huy nghĩa quân cũng ở đây, ngoài Lê Ngọc Toàn còn có Lê Duy Tân làm Quản binh, Lê Xuân Trường làm Đô đốc vận quân lương. Hoạt động của nghĩa quân chủ yếu ở vùng Tây Bắc huyện, nhất là đoạn đường từ Cổ Định xuống Cầu Quan và Cổ Định đi Quán Giắt ra Cầu Thiệu, đồng thời nghĩa quân thường xuyên quấy rối đồn địch ở Hoàng Lộc gần Quán Giắt, gây nhiều khó khăn cho việc lùng sục của kẻ thù.

Như vậy, tại Nông Cống khi có chiếu Cần vương, chưa đầy nửa năm (từ cuối năm 1885 đến đầu 1886), các sĩ phu văn thân đã dấy nghĩa ở nhiều nơi và bước đầu đã xây dựng các căn cứ quan trọng, khích lệ tinh thần yêu nước của nhân dân, trong đó căn cứ Ổn Lâm - Kỳ Thượng trở thành trung tâm. Từ buổi đầu tự phát đến đầu năm 1886 phong trào yêu nước chống Pháp ở vùng Nam Thanh Hoá đã có tổ chức chặt chẽ, có hệ thống chỉ huy từ trên xuống dưới, nằm dưới sự chỉ đạo của bộ chỉ huy chung cả tỉnh đứng đầu là Tả quân Đô thống Trần Xuân Soạn và Chánh sứ sơn phòng Tống Duy Tân.

3. Căn cứ Ba Đình (Nga Sơn).

Tháng 2-1886 nghĩa quân Ba Đình dựa theo địa hình thiên nhiên có lũy tre bao bọc ba làng Thượng Thọ, Mậu Thịnh và Mỹ Khê, đào một hào sâu bên ngoài lấy đất đắp cao lên. Hào rộng từ 4m trở lên, lũy tre trở thành lũy vững chắc cho công sự, che chở nghĩa quân và chống đạn pháo giặc. Nhân dân sở tại là chủ lực trong việc xây thành. Dân huyện Hậu Lộc bên cạnh có làng Lục Trú nổi tiếng khắp nơi về nghề "thợ dẫu" (đào đất) cũng góp phần đáng kể. Nhân dân các huyện Tống Sơn (Hà Trung, Hậu Lộc) đóng góp vật liệu, mỗi làng đóng

góp 30 cái rọ tre to và cao gần 2m (4 thước ta), 100 cây tre tươi có nhiều cành lá, 10 gánh rơm. Người già, trẻ em ba làng Ba Đình chuyển lánh sang các làng bên, trai tráng nam nữ ở lại xây thành, nhà hầm, công sự chiến đấu...

Những rọ tre nhồi rơm rạ trộn bùn được xếp trên mặt thành, lấy cột tre đóng chặt lại với nhau, các rọ đất xếp tạo nên những lỗ châu mai. Thành được đắp dày 4m, cao 3m, có chiều dài ước gần 4km. Thành phía Bắc làng Thượng Thọ, phía Nam làng Mỹ Khê được xây dựng chắc chắn hơn. Đoạn nối giữa làng Mậu Thịnh và làng Mỹ Khê là dải đất hẹp nên nghĩa quân xây thêm một đoạn thành bên ngoài nữa. Ba làng thành 3 đồn có thành lũy phân chia. Núi Thúc có đất đá cao nhô lên khỏi đồng ruộng hơn 10m ở phía Bắc làng Thượng Thọ. Tại đây nghĩa quân xây một đồn tiền tiêu, án ngữ cho Ba Đình và quan sát địch từ xa. Men theo các chân thành đất phía trong, nghĩa quân đắp thêm một con đường để đi lại phục vụ chiến đấu. Từ các chỉ huy sở có những con đường toả ra 4 mặt rộng rãi để nghĩa quân vận chuyển, ứng phó kịp thời cho nhau. "Bản Đình" - ngôi nhà chung của 3 làng trở thành sở chỉ huy chung. Quân, tướng nghĩa quân ẩn náu trong các ngôi nhà có tường đất, mái đất trộn bùn rơm tạo thành những nhà hầm trú ẩn chắc chắn. Ba Đình trở thành công sự phòng thủ kiên cố và quan trọng. Từ đây, nghĩa quân có thể tiến, lui và kiểm soát được các tuyến giao thông thuỷ bộ, phục kích tiêu diệt các đoàn xe vận tải và binh lính Pháp trên quốc lộ số 1.

Lãnh đạo ở Ba Đình là Phạm Bành, nhưng nắm quyền chỉ huy chung là Đình Công Tráng. Buổi đầu nghĩa quân Ba Đình có khoảng 300 người, một số huyện lân cận

giúp quân lương, phối hợp xây dựng lực lượng.

4. Căn cứ Mã Cao (Yên Định).

Mã Cao là cứ điểm quân sự trong hệ thống cứ điểm quân sự từ miền núi xuống miền biển của phong trào Cần vương chống Pháp ở Thanh Hoá. Mã Cao được xây dựng vào giữa năm 1886 sau cuộc họp của các "Thủ lĩnh Cần vương" ở Bồng Trung (Vĩnh Lộc) phân công cho Trần Xuân Soạn và Hà Văn Mao phụ trách.

Làng Mã Cao nằm sát cạnh sông Cầu Chày thuộc xã Đa Ngọc, tổng Khai Lạc, huyện Yên Định (nay thuộc xã Yên Giang, Yên Định). Mã Cao ngăn cách với Thiệu Hoá bằng con sông Cầu Chày tiếp giáp với 5 huyện Vĩnh Lộc (quãng Yên Lâm), Cẩm Thuỷ, Ngọc Lặc, Thọ Xuân, Thiệu Hoá. Mã Cao là cứ điểm trung tâm, điểm chốt của hai gọng kìm ôm lấy đồng bằng của các lực lượng nghĩa quân Cần vương Thanh Hoá.

Xây dựng căn cứ ở Mã Cao, nghĩa quân có thể liên hệ với các huyện đồng bằng và các huyện tiếp giáp miền núi. Mã Cao nằm cách xa các huyện lỵ xung quanh, gần nhất là phủ lỵ Thọ Xuân cũng tới 7km lại có sông Chu ngăn cách; huyện lỵ sở tại Yên Định đóng ở làng Sét cách xa 10km. Phủ lỵ Quảng Hoá (Vĩnh Lộc ngày nay) cũng cách xa 10km lại có sông Mã chắn ngang. Từ Mã Cao lên Cẩm Thuỷ (Cửa Hà) 20km, lên Điền Lư 40km; còn lên Ngọc Lặc (Phố Cống) 20km, Bái Thượng 20km, lên đến Trịnh Vạn (Thường Xuân) gần 40km. Đó là đi ngược, còn đi xuôi từ Mã Cao xuống Bồng Trung (Hùng Lĩnh) 20km. Như vậy căn cứ Mã Cao nằm vào trung tâm trong hệ thống cứ điểm của nghĩa quân Thanh Hoá trong phong trào Cần vương chống Pháp thời kỳ 1886-1895. Từ Mã Cao còn là cầu

nối, điểm trung chuyển giữa vùng đồng bằng với trung du miền núi.

5. Căn cứ Bồng Trung - Đa Bút (Vĩnh Lộc).

Trong phong trào Cần vương ở Thanh Hoá có một phong trào vũ trang chống Pháp tồn tại 6 năm liền, đó là cuộc Khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1886-1892) do Tống Duy Tân lãnh đạo.

Qua khảo sát, chúng tôi thấy Tống Duy Tân đã dựa vào các ngọn núi Mông Cù, Đa Bút của dãy Hùng Lĩnh (Vĩnh Tân, Vĩnh Lộc) để xây dựng các cứ điểm chống Pháp.

Địa điểm hoạt động của nghĩa quân lúc đầu chủ yếu ở các làng Bồng Trung, Bồng Thượng, Bồng Hạ và Đa Bút.

Làng Đa Bút cách Bồng Trung khoảng 1.500km và chỉ có một con đường độc đạo duy nhất qua cánh đồng chiêm trũng. Bồng Trung - Đa Bút dựa vào dãy núi Mông Cù tạo thành một thế chiến lược tự nhiên liên hoàn rất lợi hại. Bên trong dãy núi Mông Cù có nhiều thung lũng rộng và bằng phẳng. Về phía chân núi Đá Dựng có một thung lũng đẹp, rộng khoảng từ 7 đến 10ha, bên cạnh có con suối Ngàn Ngạn quanh năm không cạn nước. Vị trí này rất thuận tiện cho việc giấu quân và luyện tập quân sự, cũng như tiến thoái trong chiến đấu.

Bồng Trung là vị trí tiền tiêu, còn Đa Bút và dãy Mông Cù là hậu cứ của nghĩa quân. Từ Bồng Trung vào Đa Bút được bố trí nhiều chốt chiến đấu, chốt đầu tiên là đồn Cây Gạo (tiếng địa phương gọi là đồn Cây Cáo), chốt thứ hai được bố trí tại gò đất cao Chùa Cổ, cách làng Đa Bút khoảng 200m. Qua khảo sát thực tế chúng tôi còn

thấy một trận địa được xây dựng khá kiên cố ở phía dưới chân núi Đá Dựng, cách làng Đa Bút khoảng 500m về phía Tây Bắc (địa phương gọi là đồn Cây Đại). Đây là cứ điểm quan trọng nhất, án ngữ con đường lên núi Ngàn Ngạn từ trên đỉnh Mông Cù sang bên kia Thạch Thành. Trận địa này được xây dựng theo kiểu thành quách, chiều rộng khoảng 30m, chiều dài 35m, xung quanh đóng cọc tre làm điểm tựa để kê đá. Có những phiến đá dài tới 2m, rộng 50 - 60cm, dày 30 - 40cm. Phía ngoài thành hầu như thẳng đứng, cao khoảng 2m, phía sau dựa vào sườn đồi cao khoảng 1m, mặt thành rộng khoảng 60cm. Thành có một cửa ra vào rộng khoảng 1m; ở chính giữa cửa thành có một mô đất to cao tương đương với mặt thành. Đứng trên mặt thành có thể quan sát được cả một khu vực rộng lớn của cánh đồng chiêm trũng và dãy sườn phía Đông núi Báo.

Vũ khí của nghĩa quân chủ yếu là dao, kiếm, gậy, cung nỏ, dáo mác... Nghĩa quân phải tự túc cho mình một thứ vũ khí. Người nào không tự trang bị được thì thợ rèn mới phải cung cấp. Trong toàn đội nghĩa quân chỉ có 4 khẩu súng hoả mai.

Tống Duy Tân không chủ trương khoanh vùng, đào hào xây thành đắp lũy kiên cố, mà chủ yếu lợi dụng vào địa hình địa vật tự nhiên sẵn có để bố trí lực lượng. Xung quanh làng được bao bọc bởi các lũy tre gai dày đặc được gia cố thêm rào chắn cẩn thận. Cổng làng có cửa đóng mở và có người canh gác suốt ngày đêm.

Trong hàng ngũ nghĩa quân của Tống Duy Tân có Cao Bá Diể (Cao Diể) là người có công lớn trong việc tổ chức xây dựng lực lượng và tổ chức chỉ huy chiến đấu.

6. Căn cứ Trịnh Vạn (Thường Xuân).

Trịnh Vạn là một vùng rộng lớn có nhiều núi non hiểm trở ở về phía Tây Nam Thanh Hoá, cách thành phố Thanh Hoá 75km, cách Bái Thượng 18km. Từ Thanh Hoá lên Trịnh Vạn chỉ có thể đi theo những con đường nhỏ hẹp, rất khó khăn. Đường thứ nhất từ Bái Thượng dọc theo sông Chu vào Cửa Đật, rồi theo sông Đật vào Trịnh Vạn. Đường thứ hai từ Nông Cống lên Như Xuân, qua Tân Thành - Xuân Thắng - Xuân Lộc vào Trịnh Vạn. Đường thứ ba từ phía Bắc qua làng Nhân (Xuân Mỹ) rẽ vào suối Bọng, làng Hang rồi mới vào Trịnh Vạn. Phía sau Trịnh Vạn, còn có những con đường mòn xuyên rừng để vào Nghệ An, sang Lào.

Trung tâm Trịnh Vạn (nay thuộc xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân) là một thung lũng rộng 3km², xung quanh có nhiều dãy núi cao bao bọc. ở giữa thung lũng đó có những quả đồi thấp như Bù Đôn, Bù Lẹ... rất thuận lợi cho việc xây đồn lũy và bố trí trận địa chiến đấu. Suốt 10 năm trường đấu tranh vũ trang của đồng bào Thái, Trịnh Vạn luôn giữ vị trí trung tâm, trong đó đồn Bù Lẹ giữ vị trí quan trọng nhất. Bù Lẹ là một ngọn đồi cao khoảng 50m, nằm ở một địa thế khá thuận lợi. Phía trái là dãy núi đá vôi làm bức thành tự nhiên chắn giữ. Phía trước và sau là cánh đồng. Khi bọn địch kéo quân từ Cửa Đật, Thọ Thắng, Mậu Lộc hay suối Bọng, làng Hàng vào thì nghĩa quân dễ phát hiện để chặn đánh. Phía phải là rừng rậm, có sông Đật từ chòm Cọc Chẽ, chòm Dài chảy về. Khi cần thiết, nghĩa quân có thể bí mật rút lui theo đường sông vào vị trí Cọc Chẽ, núi Ta Leo một cách mau lẹ. Đồn này do đích thân thủ lĩnh Cầm Bá Thước đóng giữ.

Để bảo vệ cho Bù Lẹ, phía trước và xung quanh đồn chính, nghĩa quân đều lập những đồn phụ nhỏ như Bù Đôn, Làng Tật..., các đồn này không xa nhau và đều nằm trên một mạch núi dọc theo bờ sông. Bởi vậy, khi chiến đấu, nghĩa quân ở những đồn này có thể nhanh chóng hỗ trợ cho đồn chính.

Đồn tiền tiêu được xây dựng ở Hón Đòn án ngữ con đường từ Bái Thượng vào Trịnh Vạn. Hón Đòn cách Cửa Đật 5km và cách trung tâm Trịnh Vạn hơn 10km, nằm trên ngọn đồi cạnh bờ sông Chu. Đồn được xây dựng theo hình vuông mỗi cạnh 40m, xung quanh đều đào hào, đắp lũy khá kiên cố và có rừng cây rậm rạp. Đồn này nằm ngay trên đoạn đường hiểm yếu nhất đi từ Bái Thượng vào Trịnh Vạn, bên trái là sông Chu chảy xiết, bên phải là núi cao. Ngoài nhiệm vụ chiến đấu ngăn chặn địch từ xa, đồn Hón Đòn còn có nhiệm vụ báo tin khi có địch đến để nghĩa quân ở các đồn khác như Cửa Đật, Nhân Trầm biết đề phòng và ứng viện khi cần thiết.

Cách Hón Đòn 7km về phía Tây Bắc, nghĩa quân lập đồn Nhân Trầm (nay là làng Chun, xã Xuân Mỹ, huyện Thường Xuân). Đồn này nằm trên ngọn đồi bên bờ sông Chu, ở chỗ nước nông nhất mà quân địch có thể lội qua để rồi theo suối Bọng đánh vào sau Trịnh Vạn. Để hỗ trợ cho đồn này, nghĩa quân còn xây dựng thêm một đồn và nhiều chốt phục kích ở Vực Bạch (nay thuộc làng Nhân Rỉ) để chặn địch từ Ngọc Lặc, Lang Chánh đánh sang.

Ở ngã ba sông Đật và sông Chu, Cầm Bá Thước cho xây dựng một đồn khá kiên cố gọi là đồn Cửa Đật để án ngữ các con đường sông tiến vào Trịnh Vạn. Đồn này còn có tác dụng cùng với các chốt phục kích ở Vực Hang, Thái Làng... tạo thành thế liên hoàn

để phục kích và đánh chặn địch khi chúng tấn công nghĩa quân từ nhiều hướng.

Từ Thọ Thắng đi Mậu Lộc nghĩa quân còn xây dựng hai đồn bên bờ sông Luộc để chặn địch từ hướng Nông Cống - Như Xuân tấn công vào Trịnh Vạn. Hai đồn này được xây dựng tương tự như đồn Hón Đôn.

Về phía Quỳnh Châu (Nghệ An) và Lào, lợi dụng địa thế rừng núi hết sức hiểm trở, nghĩa quân chia thành từng toán nhỏ chiếm giữ những vị trí xung yếu để chặn đánh địch có thể tiến sang theo hướng này, nhằm bảo vệ an toàn cho căn cứ địa.

7. Căn cứ Diên Lư (Bá Thước).

Diên Lư là quê hương của thủ lĩnh Hà Văn Mao, người dân tộc Mường. Ông từng giữ chức Cai tổng, nhưng rất hào hiệp, thương dân. Ông căm thù thực dân Pháp xâm lược và chống đối lại Chính phủ bù nhìn Đồng Khánh.

Trước khi trở thành một trong số những nhà lãnh đạo phong trào Cần vương ở Thanh Hoá, tham gia xây dựng căn cứ Ba Đình, ông đã xây dựng Diên Lư thành căn cứ chống Pháp mà trung tâm là Mường Kho, được đồng bào các dân tộc trong vùng hưởng ứng và gia nhập nghĩa quân.

Từ căn cứ Diên Lư, nghĩa quân đã chặn đánh nhiều cuộc hành quân của Pháp (7-1885) và chủ động đem quân đánh đồn Bái Thượng (11-1885). Sau các trận này, địa bàn hoạt động của nghĩa quân mở rộng ra các huyện Thọ Xuân, Cẩm Thuỷ. Diên Lư trở thành trung tâm chống Pháp của vùng trung và thượng du Thanh Hoá.

Sau khi căn cứ Ba Đình thất thủ (1886) nghĩa quân Hà Văn Mao vẫn còn dựa vào căn cứ Diên Lư để hoạt động chống Pháp thêm một thời gian nữa.

*

Từ việc khảo sát trên thực địa các căn cứ địa Ôn Lâm - Kỳ Thượng, Ba Đình, Mã Cao, Bồng Trung - Đa Bút, Trịnh Vạn, Diên Lư chúng tôi thấy: *Các căn cứ chống Pháp ở Thanh Hoá cuối thế kỷ XIX phát triển đều khắp ở các địa bàn chiến lược từ đồng bằng, trung du đến miền núi, thu hút sự tham gia của hầu hết các tầng lớp nhân dân yêu nước. Từ các căn cứ này còn liên kết mở rộng địa bàn hoạt động sang các vùng, các tỉnh lân cận tạo thành một phong trào chống Pháp có quy mô rộng lớn. Đó là đặc điểm nổi bật, một thực tế lịch sử rất được chú ý khi nghiên cứu phong trào Cần vương ở Thanh Hoá.*

